**Ngày chuẩn bị :13/01/2022**

**Tuần 31,32 - Bài 27**

**DÂN SỐ VÀ SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ TRÊN THẾ GIỚI**

**(2tiết: từ tiết 44-45)**

**A. MỤC TIÊU**:

**I. Về kiến thức:**

1.1 Biết được số dân trên thế giới.

1.2 Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.

1.3 Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.

1.4 Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.

**II. Về năng lực**

**1. Năng lực chung**

a. Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

b.Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến, giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

c. Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua việc HS độc lập khai thác thông tin, làm việc với tư liệu học tập và thảo luận nhóm để giải quyết các nhiệm vụ học tập, các tình huống có vấn đề đặt ra trong bài học

**2. Năng lực Địa Lí**

a. Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Dựa vào biểu đồ đọc được quy mô dân số thế giới, sự phân bố dân cư và các thành phố đông dân trên thế giới.Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.

b. Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí học như chọn lọc được các thông tin từ văn bản tài liệu, sơ đồ, tranh ảnh.

c. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học.

**III. Về phẩm chất**

HS cần thấy sự thay đổi vế dân số và phân bố dân cư trên thế giới là do nhiếu nguyên nhân. Tuy nhiên, trách nhiệm của con người là rất lớn trong việc hướng những thay đổi trở thành tích cực hay tiêu cực đối với xã hội loài người và thiên nhiên Trái Đất.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Biểu đồ số dân trên thế giới qua các năm

- Các bản đồ: Phân bố dân cư trên thế giới, Một số thành phố đông dân nhất thế giới.

- Các tranh ảnh, số liệu, video về tình hình dân số và phân bố dân cư, đô thị ở các nơi trên thế giới.

- Phiếu học tập

***- Vi deo về dân số*** <https://video.vietnamnet.vn/nhung-con-so-bat-ngo-ve-dan-so-the-gioi-o-hien-tai-va-trong-tuong-lai-a-58575.html>

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi, máy tính cầm tay, bảng phụ....

**C. DỰ KIẾN PHÂN CHIA TIẾT DẠY**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiết | Nội dung | Ngày dạy | | |
| Lớp 6A1 | Lớp 6A2 | Lớp 6A3 |
| 44 | Mục 1,2 | …./2022 | …./2022 | …./2022 |
| 45 | Mục 3 | …./2022 | …./2022 | …./2022 |

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiết 1***  **Hoạt động 1: Mở đầu (5p)**  **Mục tiêu:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.  **Tổ chức hoạt động**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung- Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | **- Bước 1**: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.  GV cho Hs xem video và yêu cầu:Quan sát video sau và cho biết, nội dung video nói lên điều gì?  <https://video.vietnamnet.vn/nhung-con-so-bat-ngo-ve-dan-so-the-gioi-o-hien-tai-va-trong-tuong-lai-a-58575.html> |  | | **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: Suy nghĩ, trả lời | | **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  HS: Trình bày kết quả (Dân số thế giới ngày càng tăng) | | **Bước 4. Kết luận, nhận định:**  GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới  Loài người là bộ phận của Trái Đất. Tuy xuất hiện trên Trái Đất muộn hơn các thành phần khác nhưng loài người phát triển rất nhanh (cả vế số lượng và sự phân bố) và có vai trò hết sức quan trọng trên Trái Đất. Tại sao dân số thế giới thay đổi theo xu hướng ngày càng tăng và phân bố không đều, chúng ta cùng tìm câu trả lời trong bài học hôm nay. | |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |
| **Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về Dân số trên thế giới (12 p)**  **Mục tiêu: 1.1, 1a, 2b**  **Tổ chức hoạt động**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung- Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv yêu cầu HS dựa vào kênh chữ SGK và Hình    Hãy cho biết:  - Số dân trên thế giới năm 2018?  - Số dân thế giới thay đổi thế nào qua các năm?  - Liên hệ video phần mở đầu, hãy cho biết những quốc gia nào có sự gia tăng dân số nhanh trên TG? | **1. Dân số trên thế giới**  - Dân số thế giới có xu hướng  tăng theo thời gian.  - Số dân của các quốc gia rất  khác nhau và luôn biến động.  - Năm 2018, thế giới có 7,6 tỉ  người (sống trong hơn 200  quốc gia và vùng lãnh thổ). | | **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: HS làm việc theo cá nhân | | **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả 3-5p  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung | | **Bước 4. Kết luận, nhận định:**  GV: Chuẩn kiến thức  GV có thể mở rộng: 2 thành phố có dân số ít nhất thế giới (Vatican có khoảng 1000 người, Tuvalu khoảng 11.000 người)  GV nhấn mạnh: Tuy xu hướng chung của dân số thế giới là tăng theo thời gian nhưng điều đó không phải đúng với mọi quốc gia, mọi khu vực và trong mọi thời điểm. | |
| **Hoạt động 2.2: Phân bố dân cư thế giới (20 p)**  **Mục tiêu:1.2, 1a,b; 2a,b**  **Tổ chức hoạt động**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung- Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | | **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Chia nhóm (4-6 HS/nhóm). Dựa vào nội dung mục em có biết 2 và hình 2, em hãy:  - Cho biết cách tính mật độ dân số?  - Xác định các khu vực trên thế giới có mật độ dân số trên 250 người/km2 và các khu vực có mật độ dân số dưới 5 người/km2  - Nêu một số ví dụ cụ thể để thấy điều kiện tự nhiên hoặc kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư trên thể giới:  + Hãy liệt kê những nguyên nhân khiến dân cư tập trung đông ở một khu vực?  + Hãy liệt kê những nguyên nhân khiến dân cư thưa thớt ở một khu vực?   |  | | --- | |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: HS làm việc theo cá nhân, nhóm  **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4.** **Kết luận, nhận định:**  GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học  GV nhấn mạnh: Thậm chí, một số nơi không có người ở thường xuyên như châu Nam Cực, đảo Grơn-len (chỉ có các nhà khoa học). Như vậy hoàn cảnh tự nhiên và kinh tế-xã hội ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư trên thế giới. | | - Phân bố dân cư và mật độ dân số thế giới thay đổi theo thời gian và không đều trong không gian.  - Nơi đông dân: nơi kinh tế phát triền, điều kiện tự nhiên thuận lợi.  - Nơi thưa dân: các vùng khí hậu khắc nghiệt, điều kiện tự nhiên không thận lợi (băng giá, hoang mạc khô hạn, núi cao hiểm trở…) | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập (7p)**  **Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu nội dung kiến thức bài học, rèn kĩ năng địa lí.  **Tổ chức hoạt động**   |  | | --- | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** | | GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến nội dung bài học.  HS: lắng nghe  ***Dựa vào hình 2 SGK trang 195, hãy lựa chọn đáp án đúng trong các câu sau:***  **Câu 1. Phần lớn diện tích châu Mỹ có mật độ dân số**  A. dưới 5 người/km2. B. từ 5 đến 25 người/km2  C. từ 26 đến 250 người/km2. D. trên 250 người/km2.  **Câu 2. Phần lớn khu vực phía bắc châu Phi có mật độ dân số**  A. dưới 5 người/km2. B. từ 5 đến 25 người/km2.  C từ 26 đến 250 người/km2. D. trên 250 người/km2.  **Câu 3. Phần lớn diện tích đất nước Ấn Độ có mật độ dân số**  A. dưới 5 người/km2. B. từ 5 đến 25 người/km2.  C từ 26 đến 250 người/km2. D. trên 250 người/km2.  **Câu 4. Phần lớn diện tích nước Việt Nam có mật độ dân số**  A. dưới 5 người/km2. B. từ 5 đến 25 người/km2.  C. từ 26 đến 250 người/km2. D. trên 250 người/km2. | | **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, ghi kết quả ra bảng. | | **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận:** theo kĩ thuật tia chớp  Các nhóm HS giơ kết quả mỗi câu hỏi trên bảng con  GV chiếu đáp án, ghi nhận kết quả các đội | | **Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV tổng kết kết quả các nhóm, tuyên dương, khen thưởng (nếu có). | |

**\* Giao nhiệm vụ về nhà (1 phút)**

- Học bài, chuẩn bị bài mới: Mục 3, luyện tập, vận dụng

**PHỤ LỤC:**

PHIẾU HỌC TẬP

**Bài 1.** Áp dụng công thức, tính mật độ dân số của các quốc gia sau:

(làm tròn số đến phần nguyên)

1. **Công thức tính MĐDS:**

**MĐDS = (người/km2)**



1. Tính **MĐDS:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Hoa Kì** | **Ấn Độ** | **Việt Nam** |
| **Dân số (triệu người)** | 327,2 | 1.353 | 95 |
| **Diện tích (km2)** | 9.147.420 | 3.287.000 | 331.212 |
| **MDDS (người/km2 )** | 36 | 412 | 290 |

Bài 2: Xác định các khu vực trên thế giới có mật độ dân số trên 250 người/km2 và các khu vực có mật độ dân số dưới 5 người/km2

|  |  |
| --- | --- |
| **MĐDS** | **Khu vực** |
| Trên 250 người/km2 |  |
| Dưới 5 người/km2 |  |

***Tiết 2***

**Hoạt động 1: Mở đầu (3p)**

**Mục tiêu:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung- Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Chiếu bảng số liệu   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tên thành phố | Quốc gia | Số dân  (Triệu người) | | 1 | Tô-ky-ô | Nhật Bản | 37,5 | | 2 | Niu Đê-li | Ấn Độ | 28,5 | | 3 | Thượng Hải | Trung Quốc | 25,6 |   - Em có nhận xét gì về số dân ở các thành phố trong bảng số liệu trên?  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS: Suy nghĩ, trả lời  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Trình bày kết quả  GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  **Bước 4**. **Kết luận, nhận định:** GV giới thiệu vào bài: Đây là các thành phố đông dân trên thế giới. Vậy tại sao dân cư lại tập trung đông trong các thành phố (đô thị), các đô thị trên thế giới phân bố như thế nào? Chúng ta cùng tìm câu trả lời trong bài học hôm nay. |  |
| **Hoạt động 2 Hình thành kiến thức mới**  **Tìm hiểu một số thành phố đông dân nhất trên thế giới (30p)**  **Mục tiêu: 1.3, 1.4; 1a,b; 2a,b**  **Tổ chức hoạt động** | |
| **Nội dung- Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *HĐ cả lớp*  1. Dựa vào bảng số liệu trang 182, em hãy cho biết:  - Tên bảng số liệu cho biết điều gì? (một số thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018)  - Nội dung bảng số liệu gồm những gì? (gồm thứ hạng (STT), tên thành phố, quốc gia, số dân)  2. Dựa vào bản đồ hình 4 sgk trang 197, em hãy cho biết:  - Nội dung của bản đồ là gì? (một số thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018)  - Bảng chú giải của bản đồ cho biết điều gì? (số dân trong các đô thị – quy mô các đô thị)  3. Đô thị có dân số là bao nhiêu triệu người thì được gọi là siêu đô thị? (từ 10 triệu người trở lên)  *HĐ nhóm:*  *Nhóm 1, 3, 5:* hoàn thành phiếu học tập số 1 (Phụ lục)  1. Dựa vào bảng số liệu trang 196, bản đồ hình 4 sgk trang 197 hoàn thành phiếu học tập số 1.  2. Mười thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018, nằm ở các châu lục nào; Châu lục nào có nhiều thành phố đông dân nhất?  3. Việc tập trung đông dân ở các thành phố có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế-xã hội và môi trường?  (- Việc tập trung đông dân có thuận lợi: tạo ra nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn;  - Khó khăn:  + Gia tăng tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm;  + Cơ sở hạ tầng bị quá tải;  + Môi trượng bị ô nhiễm;  + Gia tăng các tệ nạn XH,…)  *Nhóm 2, 4, 6:* hoàn thành phiếu học tập số 2(Phụ lục)  1. Dựa vào bản đồ hình 4 sgk trang 197 hoàn thành phiếu học tập số 2.  2. Cho biết châu lục nào có nhiều siêu đô thị nhất, châu lục nào có ít siêu đô thị nhất? Châu lục nào không có siêu đô thị?  3. Em có nhận xét gì về sự phân bố các siêu đô thị trên thế giới? (các siêu đô thị phân bố ở 4 châu lục, nhưng tập trung chủ yếu ở châu Á với 21 siêu đô thị)  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3**. **Báo cáo, thảo luận:** Sử dụng kĩ thuật phòng tranh  Các nhóm treo kết quả thảo luận, các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4. Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét phần trình bày của HS và chốt kiến thức; HS tự hoàn thiện ghi vở.  - GV nhấn mạnh: Sự hình thành các đô thị trên thế giới là một biểu hiện của sự phân bố dân cư.  + Con người có xu hướng tập trung vào các đô thị.  + Sự hình thành và tập trung dân vào các đô thị có thể dẫn tới những hệ quả tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. | **3. Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới**  - Sự phân bố dân cư hình thành nên các đô thị hay các siêu đô thị lớn trên thế giới.  - Quá trình phát triển của các đô thị hay các siêu đô thị lớ trên thế giới có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.  - Các thành phố đông dân nhất trên thế giới: Tô-ki-ô (Nhật Bản), Niu-đê-li (Ấn Độ), Thượng Hải (Trung Quốc), … |
| **Hoạt động luyện tập(10p)**  **Mục tiêu:1a,c; 2c**  **Tổ chức hoạt động**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Bài1. Tính thời gian để dân số thế giới tăng thêm 1 tỉ người (từ 1 tỉ lên 2 tỉ, từ 2 tỉ lên 3 tỉ, ...) điều đó cho ta biết điều gì?  Bài 2.Cho biết sự gia tăng dân số thế giới quá nhanh sẽ dẫn tới những hậu quả gì về đời sống, sản xuất và môi trường? | Bài1  Thời gian dân số tăng:  - 1 lên 2 tỉ: 123 năm  - Từ 2 lên 4 tỉ: 47 năm  - Từ 4 lên 8 tỉ: 50 năm  Bài 2: Dân số thế giới tăng quá nhanh, trong khi trình độ phát triển kinh tế - xã hội không tiến kịp sẽ dẫn tới nhiều hậu quả: mức sống của người dân, ảnh hưởng tới văn hoá, giáo dục, tài nguyên - môi trường,... *HS cần nêu được các ví dụ cụ thể để minh hoạ.* | | **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Gợi ý học sinh thực hiện nhiệm vụ  HS: thực hiện nhiệm vụ ở nhà | | **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS: Thực hiện nhiệm vụ và trao đổi với bạn | | **Bước 4.** **Kết luận, nhận định**  GV: có thể thu bài 1 số HS chấm lấy điểm KTTX. | | |
| **Hoạt động 4. Vận dụng (1p)**  **Mục tiêu:** 1a, c; 2c  **Tổ chức hoạt động**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Dựa vào kiến thức đã học và mạng xã hội tìm hiểu về thành phố To-ky-o (Nhật Bản)? (Vị trí, số dân, tình hình phát triển kinh tế, những nét đặc sắc,…)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà  **Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận:**  HS trao đổi kết quả với bạn  **Bước 4. Kết luận, nhận định:**  GV có thể thu chấm lấy điểm KTTX  Đoạn tham khảo  **Tokyo**  là [thủ đô của Nhật Bản](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%A7_%C4%91%C3%B4_c%E1%BB%A7a_Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n) , nằm ở phía đông của đảo chính [Honshū](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3o_Honshu), vùng [Kanto](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kant%C5%8D). Tokyo là vùng đô thị đông dân nhất thế giới với dân số 37,5 triệu người (năm 2018)  Tokyo đứng đầu về Chỉ số sức mạnh kinh tế toàn cầu và thứ ba về Chỉ số thành phố toàn cầu. Năm 2014, Khảo sát Thành phố Toàn cầu của [TripAdvisor](https://vi.wikipedia.org/wiki/TripAdvisor) đã xếp hạng Tokyo trong hạng mục "Trải nghiệm tổng thể tốt nhất" (thành phố này cũng đứng đầu trong các loại sau: "sự hữu ích của người dân địa phương", "Cuộc sống về đêm", "mua sắm", "giao thông công cộng địa phương" và "sự sạch sẽ của đường phố"). Theo năm 2015, Tokyo được xếp hạng là thành phố đắt đỏ thứ 11 đối với người nước ngoài, theo công ty tư vấn Mercer, và cũng là thành phố đắt đỏ thứ 11 trên thế giới theo khảo sát chi phí sinh hoạt của Tổ chức Tình báo Kinh tế. Năm 2015, Tokyo được tạp chí Monocle bình chọn là Thành phố đáng sống nhất thế giới. Tokyo được xếp hạng đầu tiên trong số sáu mươi thành phố trong Chỉ số Thành phố An toàn 2017. Tokyo đã tổ chức [Thế vận hội Mùa hè 1964](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_v%E1%BA%ADn_h%E1%BB%99i_M%C3%B9a_h%C3%A8_1964), Hội nghị [G7](https://vi.wikipedia.org/wiki/G7) năm 1979, Hội nghị G7 năm 1986 và Hội nghị G7 năm 1993 và sẽ tổ chức World Cup bóng bầu dục 2019, [Thế vận hội Mùa hè (Olympic)2020](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_v%E1%BA%ADn_h%E1%BB%99i_M%C3%B9a_h%C3%A8_2020) và Paralympic Mùa hè 2020 (diễn ra trong 2 tuần vào cuối tháng 7 và đầu tháng 8 năm 2021 do dịch Covid-19). | |

**Phục lục**

**Phiếu học tập số 1:** Dựa vào bảng số liệu trang 196, bản đồ hình 4 sgk trang 197và hoàn thành bảng sau bằng cách điền tên châu lục.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN THÀNH PHỐ | QUỐC GIA | SỐ DÂN  (Triệu người) | Châu lục |
| 1 | Tô-ky-ô | Nhật Bản | 37,5 |  |
| 2 | Niu Đê-li | Ấn Độ | 28,5 |  |
| 3 | Thượng Hải | Trung Quốc | 25,6 |  |
| 4 | Xao Pao-lô | Bra-xin | 21,7 |  |
| 5 | Mê-hi-cô Xi-ti | Mê-hi-cô | 21,6 |  |
| 6 | Cai-rô | Ai Cập | 20,1 |  |
| 7 | Mum-bai | Ấn Độ | 20,0 |  |
| 8 | Đắc-ca | Băng-la-đét | 19,6 |  |
| 9 | Bắc Kinh | Trung Quốc | 19,6 |  |
| 10 | Ô-xa-ca | Nhật Bản | 19,3 |  |

***Đáp án***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN THÀNH PHỐ | QUỐC GIA | SỐ DÂN  (Triệu người) | Châu lục |
| 1 | Tô-ky-ô | Nhật Bản | 37,5 | Châu Á |
| 2 | Niu Đê-li | Ấn Độ | 28,5 | Châu Á |
| 3 | Thượng Hải | Trung Quốc | 25,6 | Châu Á |
| 4 | Xao Pao-lô | Bra-xin | 21,7 | Chây Mỹ |
| 5 | Mê-hi-cô Xi-ti | Mê-hi-cô | 21,6 | Châu Mỹ |
| 6 | Cai-rô | Ai Cập | 20,1 | Châu Phi |
| 7 | Mum-bai | Ấn Độ | 20,0 | Châu Á |
| 8 | Đắc-ca | Băng-la-đét | 19,6 | Châu Á |
| 9 | Bắc Kinh | Trung Quốc | 19,6 | Châu Á |
| 10 | Ô-xa-ca | Nhật Bản | 19,3 | Châu Á |

**Phiếu học tập số 2:** Dựa vào bản đồ hình 4 sgk trang 197, thống kê số đô thị ở mỗi châu lục và điền vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên châu lục** | **Số siêu đô thị có só dân** | |
| Từ 10 đến dưới 20 triệu người | Từ 20 triệu người trở lên |
| **Châu Á** |  |  |
| **Châu Âu** |  |  |
| **Châu Phi** |  |  |
| **Châu Mỹ** |  |  |
| **Châu Đại Dương** |  |  |
| **Châu Nam Cực** |  |  |

***Đáp án***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên châu lục** | **Số siêu đô thị có số dân** | |
| Từ 10 đến dưới 20 triệu người | Từ 20 triệu người trở lên |
| **Châu Á** | 17 | 4 |
| **Châu Âu** | 2 | 0 |
| **Châu Phi** | 2 | 1 |
| **Châu Mỹ** | 6 | 2 |
| **Châu Đại Dương** | 0 | 0 |
| **Châu Nam Cực** | 0 | 0 |

**\* Giao nhiệm vụ về nhà (1 phút)**

- Học bài, chuẩn bị bài mới: bài 28 theo câu hỏi SGK